

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN MỸ
TỈNH HƯNG YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 204/2019/HNGĐ - ST

Ngày 23 tháng 10 năm 2019

(V/V Tranh chấp hôn nhân và gia đình)

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN MỸ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Minh Đón - Nguyên bí thư đoàn xã Hoàn Long đã nghỉ hưu.
2. Ông Phạm Văn Nam – Bí thư Đoàn xã Đồng Than

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thuận - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hưng Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 167/2019/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2019 về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 32/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm: 1983; “ có mặt”

2. Bị đơn: Anh Trần Văn L, sinh năm: 1983; “ vắng mặt”

3. Người có quyền l, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Cháu Trần Thị Q sinh ngày 13/3/2006; “ vắng mặt”

3.2. Cháu Trần Gia H, sinh ngày 11/02/2008; “ vắng mặt”

4. Người đại diện hợp pháp cho cháu Q và cháu H: Chị Nguyễn Thị Vân A (mẹ đẻ)

Đều địa chỉ cư trú: Thôn Đ, xã Y, huyện Y, tỉnh Hưng Yên.

5. Người làm chứng: Ông Trần Văn L, bà Trần Thị X, anh Nguyễn Văn T, ông Nguyễn Văn Th, bà Trần Thị N

Tại phiên tòa: ông L, bà X, anh T ông Th, bà N đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị Vân A kết hôn với anh Trần Văn L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y vào ngày 21 tháng 12 năm 2004. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân theo Chị A do vợ chồng bất đồng quan điểm về lối sống, anh L không chịu làm ăn xây dựng kinh tế gia đình, chơi bời cờ bạc phá tán tài sản gia đình dẫn đến nợ nần phải bán cả nhà đất để trả nợ, chị và các con phải đi ở nhờ nhà anh trai chị, không những vậy anh L còn không chung thủy với chị, vợ chồng chính thức ly thân từ năm 2018 đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu TAND huyện Y giải quyết cho chị được ly hôn anh L. Anh L cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, Chị A xin ly hôn anh cũng nhất trí.

Về con chung: Chị A và anh L có 02 con chung là cháu Trần Thị Q, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2006 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2008 hiện cả hai cháu đang ở với Chị A. Ly hôn Chị A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung. Chị A tự nguyện không yêu cầu anh L đóng góp phí tổn nuôi con chung. Anh L có quan điểm nhất trí để Chị A được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung.

Cháu Q và cháu H đều có nguyện vọng xin được ở với mẹ

Hiện nay Chị A làm công nhân mức thu nhập mỗi tháng là 6.000.000đồng, ngoài ra chị còn nhận làm thêm kế toán thuế cho một số công ty mức thu nhập khoảng 6.000.000đồng.

Về tài sản chung và các vấn đề khác của vợ chồng: Chị A và anh L đều không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Chị A vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày trên.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y xác định toàn bộ quá trình thụ lý giải quyết vụ án của Thẩm phán cũng như tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa, Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo các Điều 70; 71; bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các Điều 70; 72 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của Chị A.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trần Văn L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, tuy nhiên anh L đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt anh L là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

Chị A khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Y giải quyết ly hôn anh L nên quan hệ pháp luật tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh L là bị đơn cư trú tại xã Y, huyện Y nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Y theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Nguyễn Thị Vân A kết hôn với anh Trần Văn L trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y vào ngày 21 tháng 12 năm 2004 nên quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Vân A và anh Trần Văn L là hợp pháp, tuy nhiên quá trình chung sống do vợ chồng thường bất đồng quan điểm về lối sống, không thống nhất về kinh tế gia đình và vợ chồng đã chính thức ly thân từ năm 2018 đến nay, trong thời gian vợ chồng sống ly thân, không ai quan tâm đến ai, cuộc sống của ai chỉ biết bôn phận của người đó, Chị A và anh L đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên Chị A xin ly hôn anh L cũng nhất trí. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa Chị A và anh L đã trở lên trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được, do đó cần xử cho Chị A được ly hôn anh L là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Chị A và anh L có 02 con chung là cháu Trần Thị Q, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2006 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2008 hiện cả hai cháu đang ở với Chị A. Ly hôn cả Chị A có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng hai con chung anh L cũng nhất trí, mặt khác cả hai cháu đều có nguyện vọng xin được ở với Chị A nên cần giao cả hai con chung cho Chị A được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục đến khi các cháu trưởng thành đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị A không yêu cầu anh L phải đóng góp phí tổn nuôi con. Anh L có quyền thăm và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung và các vấn đề khác: Chị A và anh L không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Chị A phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 51; 56; 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án. xử:

Về quan hệ vợ chồng: Chị Nguyễn Thị Vân A được ly hôn anh Trần Văn L

Về con chung: Giao cháu Trần Thị Q, sinh ngày 13 tháng 3 năm 2006 và cháu Trần Gia H, sinh ngày 11 tháng 02 năm 2008, cho Chị A được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục đến năm các cháu đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của Chị A không yêu cầu anh L phải đóng góp phí tổn nuôi con. Anh L có quyền đi lại thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

Về tài sản chung và các vấn đề khác Chị A và anh L: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Vân A phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn. Đối trừ với số tiền 300.000 đồng Chị A đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002962 ngày 15/8/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Y, Chị A đã nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc ngày niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Y;
- THA huyện Y;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- UBND xã Y;
- Các đương sự;
- Lưu.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Thị Nhiên